

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2024

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 28 ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: **Thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương**. Chị **M** có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Thôn T, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương**. Anh **T** vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2024, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị M trình bày:

Chị và anh **Bùi Văn T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/4/2014 tại **UBND xã Q, huyện K** (nay là **UBND xã Q, thị xã K**), **tỉnh Hải Dương**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được năm đầu, sau đó thì vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh **T** mãi chơi, không lo cho vợ con gia đình dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, gia đình và bạn bè đã động viên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Năm 2017, anh **T** bỏ nhà đi biệt tích, chị **M** đã yêu cầu và Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn đã tuyên bố anh **Bùi Văn T** mất tích theo Quyết định số 01 ngày 15/4/2024 của TAND thị xã Kinh Môn. Nay chị xét thấy anh **T** mất tích đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**. Vợ chồng chị có 1 con chung là cháu **Bùi Bảo L**, sinh ngày 21/5/2015, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **L** đến khi cháu **L** trưởng thành đủ 18 tuổi, chị tự nguyện

không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên nhà máy nước, thu nhập bình quân 8 triệu đồng/tháng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh **Bùi Văn T** bỏ nhà đi từ năm 2017, đã bị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01 ngày 15/4/2024 của TAND thị xã Kinh Môn. Bố mẹ đẻ anh **T** đều đã mất. Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết theo đúng quy định của BLTTDS tuy nhiên anh **T** vẫn vắng mặt tại địa phương, không có quan điểm về việc chị **M** xin ly hôn với anh.

Tòa án tiến hành xác minh, được ông **Nguyễn Phúc H** - Trưởng thôn Tổng Thượng, xã **Q**, thị xã **K**, tỉnh **Hải Dương** cho biết: Anh **Bùi Văn T** và chị **Nguyễn Thị M** được kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, được đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện K (nay là xã Q, thị xã K) tỉnh Hải Dương**. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chúng tôi không nắm được, chỉ biết anh **T** là người chơi bời không biết làm ăn chăm lo cho vợ con gia đình dẫn đến nợ lán và đến năm 2017 anh **T** đã tự ý bỏ đi khỏi gia đình, địa phương từ đó đến nay. Tòa án đã tuyên bố anh **T** mất tích. Nay chị **M** xin ly hôn anh **T** thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị **M** vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh **T**, xin tiếp tục nuôi con chung đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh **T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị M**, xử cho chị **Nguyễn Thị M** được ly hôn với anh **Bùi Văn T**.

- *Về con chung:* Giao cháu **Bùi Bảo L**, sinh ngày 21/5/2015 cho chị **M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con chung kể từ khi ly hôn đến khi cháu **L** trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **M** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, riêng, công nợ*: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị M** phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng*: Bị đơn – anh **T** có nơi cư trú cuối cùng tại **xã Q, thị xã K** nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **T** vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh **T**.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **M** và anh **T** có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị **M** và anh **T** đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Nguyên nhân là do anh **T** mãi chơi, không quan tâm, chăm lo gia đình. Từ đầu năm 2017, sanh **T** đã bỏ nhà đi. Lý do chị **M** xin ly hôn anh **T** vì anh chị đã mâu thuẫn, không còn tình cảm vợ chồng và anh **T** đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Theo Quyết định số 01 ngày 15/4/2024 của TAND thị xã Kinh Môn tuyên bố anh **Bùi Văn T** mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và kể từ khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án đến ngày Tòa án mở phiên tòa anh **T** vẫn vắng mặt. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị **M**, xử cho chị **M** được ly hôn với anh **Bùi Văn T** là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị **M**, anh **T** có 01 con chung là cháu **Bùi Bảo L**, sinh ngày 21/5/2015. Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi anh **T** bỏ đi, chị **M** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu **L**, cần giao cháu **L** cho chị **M** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành - đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị **M** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị **M**, anh **T** đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị **M** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị **M**, anh **T** có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị M.**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị M** ly hôn anh **Bùi Văn T.**

1.2. Về con chung: Giao cháu **Bùi Bảo L**, sinh ngày 21/5/2015 cho chị **M** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **L** trưởng thành, đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị **M** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị M** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số 0002414 ngày 10/5/2024, chị **M** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **M** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã **Quang Thành, thị xã Kinh Môn** (số GCNKH 23 năm 2014);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc